

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HS-ST
Ngày 29 tháng 3 năm 2019.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lê

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Huỳnh Văn Phi

+ Ông Đỗ Công Luận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Bảo Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thành Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại Hội trường Trại giam A2 - Cục C10 - Bộ Công an (xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa), Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2019/HS-ST ngày 25 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/HSST-QĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Cao Đăng Th (T), sinh năm 1988 tại Nghệ An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 5, xã D, huyện C, tỉnh Nghệ An; Chỗ ở: Hiện đang chấp hành án tại Trại giam A2 - Cục C10 - Bộ Công an; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Cao Đăng L (đã chết) và bà Đậu Thị H (đã chết); có vợ là Ngô Ngọc Huyền T (đã ly hôn); tiền án: Ngày 01/11/2007, TAND tỉnh Khánh Hòa xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (bản án số 228/2007/HSPT). Ngày 24/6/2009, TAND tỉnh Lâm Đồng xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (bản án số 61/2009/HSPT). Ngày 09/4/2011, TAND huyện V, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp tài sản” (bản án số 19/2011/HSST). Ngày 15/8/2011, TAND tỉnh Khánh Hòa xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt chưa chấp hành 05 năm tại bản án số 19 ngày 09/4/2011, buộc chấp hành hình phạt chung là 08 năm 06 tháng tù (bản án số 136/2011/HSPT). Ngày 06/12/2013, TAND huyện D, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”, tổng hợp hình phạt chưa chấp hành 05 năm 06 tháng 20 ngày tù của bản án số 136 ngày 15/8/2011, buộc chấp hành hình phạt chung là 09 năm 20 ngày tù (bản án số 63/2013/HSST). Ngày 31/12/2014, TAND huyện D, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 03 năm tù về tội “Chống

người thi hành công vụ”, tổng hợp hình phạt 07 năm 09 tháng 03 ngày tù tại bản án số 63 ngày 15/8/2011, buộc chấp hành hình phạt chung là 10 năm 09 tháng 03 ngày tù (bản án số 81/2014/HSST); tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam A2 - Cục C10 - Bộ Công an; có mặt.

2. Phan Tấn T, sinh năm 1983 tại Phú Yên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P 3, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; Chỗ ở: Hiện đang chấp hành án tại Trại giam A2 - Cục C10 - Bộ Công an; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phan Tấn T, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956; có vợ Trần Thị Thu X, có 02 con lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án: Ngày 30/8/2006, TAND huyện Đ, tỉnh Phú Yên xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo. Ngày 30/11/2006, TAND huyện Đ, tỉnh Phú Yên xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, buộc chấp hành chung là 21 tháng tù, chấp hành xong vào ngày 24/10/2007 (bản án số 31/2006/HSST). Ngày 23/9/2010, TAND tỉnh Phú Yên xử phạt 08 năm tù về tội “Cướp giết tài sản”, chấp hành xong vào ngày 27/01/2016 (bản án 105/2010/HSPT). Ngày 24/8/2017, TAND thành phố C, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giết tài sản” (bản án số 46/2017/HSST). Ngày 12/9/2017, TAND huyện Đ, tỉnh Phú Yên xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (bản án số 42/2017/HSST). Ngày 26/9/2017, TAND huyện P, tỉnh Phú Yên xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (bản án số 31/2017/HSST), tổng hợp hình phạt tại các bản án số 46 ngày 24/8/2017, số 42 ngày 12/9/2017, số 31 ngày 26/9/2017, buộc chấp hành hình phạt chung là 14 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/2/2017; tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam A2 - Cục C10 - Bộ Công an; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Trại giam A2 - Cục C10 - Bộ Công an

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Trọng N (Văn bản ủy quyền lập ngày 29/3/2019); có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Nguyễn Anh V, sinh năm 1966

Địa chỉ nơi ĐKNKTT: P, Ninh Thuận.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam A2 - Cục C10 - Bộ Công an; có mặt.

+ Nguyễn Hữu T, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn P, H I, huyện T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

Hiện đang công tác Trại giam A2 - Cục C10 - Bộ Công an.

+ Tô Mai D, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện H, tỉnh Phú Yên; có mặt.

Hiện đang công tác Trại giam A2 - Cục C10 - Bộ Công an.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 03/11/2018, Cao Đăng Th và Phan Tấn T là phạm nhân đang chấp hành án phạt tù tại đội 4, buồng số 01, nhà giam số 2, phân trại số 2, Trại giam A2 - Cục C10 - Bộ Công an (thuộc xã D, huyện D), trong lúc ngồi uống trà, Th rủ T ngày mai leo qua tường rào trốn ra khỏi trại giam. T nói trốn ra không biết đi đâu thì Th rủ T qua Campuchia, ở đó Th có một bà chị, T đồng ý.

Đến khoảng 12 giờ 45 phút ngày 04/11/2018, Th lén lút mở cửa chính buồng giam đi ra nhà sau của buồng giam số 02 ngồi đợi khoảng 05 phút thì T đến. Sau đó, Th ra phía sau nhà ăn quan sát, không thấy cán bộ gác chòi nên lấy khoảng 05 bộ quần áo phạm nhân cột thành dây dài khoảng 03 đến 04 mét. Th và T leo qua tường rào B40 của dãy nhà giam, đi ra tường rào bảo vệ phân trại số 02. Tại đây, Th ném dây quần áo được thắt trước đó lên hàng rào thép gai của phân trại và nắm dây đu lên còn T đẩy người của Th để Th leo qua hàng rào. Thấy vậy, cán bộ gác chòi bắn 03 phát súng chỉ thiên nhưng Th vẫn leo qua tường rào và nhảy xuống đất chạy lên núi trốn còn T chạy về buồng giam số 01. Th lần trốn trên núi (thuộc xã D, huyện D) đến khoảng 19 giờ 10 phút ngày 06/11/2018 thì bị cán bộ trại giam bắt giữ theo Quyết định truy nã.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện D, Cao Đăng Th và Phan Tấn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại bản cáo trạng số 07/CT-VKSDK ngày 07/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố bị cáo Cao Đăng Th và bị cáo Phan Tấn T về tội “Trốn khỏi nơi giam” được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 386 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện D thay đổi phần nội dung điều luật áp dụng đối với bị cáo Cao Đăng Th, Phan Tấn T, không áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 386 Bộ luật hình sự, đối với hành vi mà bị cáo Th và T đã thực hiện chỉ phạm tội “Trốn khỏi nơi giam” theo quy định tại khoản 1 Điều 386 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 386, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 56, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với Th và T, riêng T áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Th từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, bị cáo T từ 18 đến 24 tháng tù, tổng hợp với hình phạt chưa chấp hành của bản án mà các bị cáo đang thi hành; về trách nhiệm dân sự: Đại diện cho Trại giam A2 không yêu cầu gì nên không xem xét; về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy 01(một) sợi dây vải được thắt lại từ quần áo phạm nhân; về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Th và T không có ý kiến gì về nội dung truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt áp dụng cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Điều tra viên và Kiểm sát viên huyện D:

Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về các hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, bị cáo Phan Tấn T khai vào thời điểm ngày 03/11/2018, khi bị cáo Cao Đăng Th rủ T thì giữa Th và T chỉ thỏa thuận, thống nhất cùng nhau trốn khỏi Trại giam A2, chứ chưa bàn bạc là trốn vào thời gian cụ thể khi nào, cách thức trốn ra sao, chuẩn bị phương tiện, dụng cụ gì cũng như sau khi trốn sẽ đi đến những nơi cụ thể nào. Vào khoảng 12 giờ 45 phút ngày 04/11/2018, lợi dụng sơ hở của cán bộ quản giáo Trại giam A2, thấy không có ai quản lý, trông coi, Th liền rủ T cùng thực hiện hành vi trốn khỏi nơi giam. Bị cáo Th thừa nhận có bỏ trốn khỏi Trại giam A2, biết hành vi của mình là sai, thống nhất như nội dung Cáo trạng đã nêu nhưng bị cáo im lặng, không trình bày rõ quá trình diễn biến thực hiện vi phạm tội của mình. Xét lời khai của bị cáo T đã trình bày tại phiên tòa, việc thừa nhận có hành vi trốn khỏi nơi giam của bị cáo Th là hoàn toàn phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng, tài liệu thu thập khác có ở hồ sơ vụ án nên hành vi của bị cáo Th và T đã cấu thành tội “Trốn khỏi nơi giam”. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo Th và T thuộc trường hợp phạm tội giản đơn, không phải phạm tội có tổ chức. Vì vậy, việc Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố các bị cáo Th và T về tội “Trốn khỏi nơi giam” và thay đổi điều luật truy tố đối với bị cáo Th và T, không áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 386 Bộ luật hình sự mà hành vi phạm tội của bị cáo Th và T được quy định tại khoản 1 Điều 386 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội mà các bị cáo Th và T đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xem thường kỷ cương pháp luật của Nhà nước, đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động tư pháp, gây ảnh hưởng đến hoạt động của Nhà nước về quản lý hành chính trong trại giam. Bản thân các bị cáo đang thi hành án về hành vi vi phạm pháp luật của mình trước đó, lẽ ra các bị cáo phải an tâm cải tạo, tu dưỡng rèn luyện chấp hành nghiêm các nội quy của trại giam, pháp luật của Nhà nước đề sớm về với gia đình, hòa nhập cộng đồng xã hội nhưng các bị cáo đã thực hiện hành vi bỏ trốn. Điều này thể hiện sự bất chấp, không tuân thủ pháp luật của các bị cáo, vì vậy cần xử phạt thật nghiêm khắc đối với hành vi mà các bị cáo đã gây ra mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo đồng thời ngăn ngừa chung cho các phạm nhân đang chấp hành án tại Trại giam A2.

[3] Về tính chất, mức độ, vai trò phạm tội của từng bị cáo:

Hội đồng xét xử nhận thấy trong vụ án này, bị cáo Th là người chủ động đề xuất, rủ rê bị cáo T thực hiện hành vi bỏ trốn đồng thời người thực hành tích cực nhất trong việc chuẩn bị dây làm từ quần áo phạm nhân để làm dụng cụ trốn khỏi nơi giam, khi bị cán bộ Trại giam A2 phát hiện việc bỏ trốn, bị cáo không dừng lại mà vẫn thực hiện đến cùng, leo qua tường rào và nhảy xuống đất chạy lên núi bỏ trốn, sau đó bị bắt giữ theo Quyết định truy nã. Bản thân bị cáo từng bị Tòa án nhân dân huyện D xét xử về tội “Trốn khỏi nơi giam” (tại bản án số 63/2013/HSST ngày 06/12/2013), nay lại tiếp tục, chứng tỏ bị cáo rất ngang nhiên, xem thường kỷ cương, pháp luật của Nhà nước nên đối với bị cáo Th cần xử phạt bị cáo mức hình phạt thật cao, nghiêm khắc hơn so với bị cáo T.

Đối với bị cáo T sau khi nghe bị cáo Th rủ đã tích cực hưởng ứng, đồng ý cùng Th thực hiện hành vi bỏ trốn, giúp sức cho Th đu lên dây để vượt qua tường rào trốn khỏi trại giam. Quá trình bỏ trốn, do cán bộ Trại giam A2 phát hiện, T đã không thực hiện được mà chạy về lại buồng giam nên hành vi phạm tội của bị cáo T hạn chế hơn so với bị cáo Th, do đó Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt thấp hơn bị cáo Th, tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo T đã gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng:

Các bị cáo Th, bị cáo T đã có tiền án và đang thi hành án nay tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ:

Xét tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo T thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của bị cáo nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Đối với bị cáo Th, quá trình xét xử sơ thẩm bị cáo ngoan cố, không khai báo về hành vi phạm tội của mình chứng tỏ bị cáo không thành khẩn, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Về tổng hợp hình phạt:

Bị cáo Th đang chấp hành hình phạt 10 năm 09 tháng 03 ngày tù, thời hạn tù từ ngày 01/01/2015 tại bản án số 81/2014/HSST ngày 31/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện D, tính đến ngày 29/3/2019 (không tính thời gian bị cáo bỏ trốn 02 ngày), bị cáo đã chấp hành được 04 năm 02 tháng 26 ngày tù nên phần hình phạt chưa chấp hành còn lại là 06 năm 06 tháng 07 ngày tù. Bị cáo T đang chấp hành hình phạt 14 năm 06 tháng tù, thời hạn tù từ ngày 19/2/2017 tại Quyết định tổng hợp hình phạt tù số 03/2017/QĐTHHP-CA ngày 15/11/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên, tính đến ngày 29/3/2019, bị cáo đã chấp hành được 02 năm 01 tháng 10 ngày tù nên phần hình phạt chưa chấp hành còn lại là 12 năm 04 tháng 20 ngày tù. Căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự, cần tổng hợp hình phạt mà bị cáo Th và T chưa chấp hành đối với bản án xét xử ngày hôm nay thành hình phạt chung, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/3/2019.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Đại diện cho Trại giam A2 tại phiên tòa không có yêu cầu gì về phần dân sự đối với số quần áo mà bị cáo Th đã lấy sử dụng khi bỏ trốn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng vụ án:

01 (một) sợi dây vải được thắt lại từ quần áo phạm nhân, Trại giam A2 không có yêu cầu gì về tài sản này, xét tài sản trên không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí:

Các bị cáo Th và T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 386, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 56, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Cao Đăng Th và Phan Tấn T; riêng bị cáo Phan Tấn T áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Căn cứ các Điều 106, Điều 136, Điều 288, Điều 293, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt:

- Bị cáo Cao Đăng Th (T) 03 (ba) năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”; tổng hợp hình phạt chưa chấp hành 06 năm 06 tháng 07 ngày tù tại bản án số 81/2014/HSST ngày 31/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng 07 (bảy) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/3/2019.

- Bị cáo Phan Tấn T 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”, tổng hợp hình phạt chưa chấp hành 12 năm 04 tháng 20 ngày tù tại Quyết định tổng hợp hình phạt tù số 03/2017/QĐTHHP- CA ngày 15/11/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 14 (mười bốn) năm 20 (hai mươi) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/3/2019.

2. Về vật chứng vụ án:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) sợi dây vải được thắt lại từ quần áo phạm nhân (Tình trạng vật chứng theo như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/01/2018 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện D với Công an huyện D).

3. Về án phí:

- Bị cáo Cao Đăng Th và Phan Tấn T mỗi người phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

- Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- CA huyện Diên Khánh;
- THA hình sự;
- Chi cục THADS Diên Khánh;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- LưuHS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Lệ

“**bù đắp về tinh thần**” do bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín là khoản tiền mà người bị xâm phạm hoặc người thân thích của người bị xâm phạm được hưởng theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Trước khi ban hành Bộ luật Dân sự năm 1995, pháp luật chưa có quy định nào buộc người gây thiệt hại phải bồi thường khoản tiền này. Lý do là còn quan niệm cho rằng, tổn thất về tinh thần, danh dự, nhân phẩm, uy tín không thể lượng hóa để tính ra thành tiền được bởi “tinh thần” được coi là một phạm trù “phi vật chất”. Tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử cho thấy, việc buộc người gây thiệt hại phải bồi thường một khoản tiền để “**bù đắp về tinh thần**” cho người bị thiệt hại (nếu là sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm) hoặc cho người thân thích của người bị thiệt hại (nếu là tính mạng bị xâm phạm) là cần thiết, phù hợp với tập quán và truyền thống văn hoá xã hội của dân tộc Việt Nam và cũng là thông lệ trên thế giới.

Bộ luật dân sự năm 1995 ra đời đã quy định về khoản tiền “**bù đắp về tinh thần**” nhưng chỉ quy định: Tuỳ từng trường hợp, Toà án quyết định buộc người xâm phạm phải bồi thường một khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần, còn khoản tiền đó là bao nhiêu thì Bộ luật không quy định. Do đó, thực tiễn xét xử các Toà án địa phương đã áp dụng không thống nhất. Để khắc phục tình trạng này, Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao đã ban hành Nghị quyết số 01/2004/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; trong đó có khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết này thì:

– Thiệt hại do tổn thất về tinh thần của cá nhân được hiểu là do sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm mà người bị thiệt hại hoặc do tính mạng bị xâm phạm mà người thân thích gần gũi nhất của nạn nhân phải chịu đau thương, buồn phiền, mất mát về tình cảm, bị giám sát hoặc mất uy tín, bị bạn bè xa lánh do bị hiểu nhầm,...

– Đối với khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần trong trường hợp **tính mạng bị xâm phạm** thì người được nhận là những người thân thích gần gũi nhất của nạn nhân bao gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, người trực tiếp nuôi dưỡng nạn nhân. Mức bồi thường chung khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho những người thân thích gần gũi nhất của nạn nhân phải căn cứ vào mức độ tổn thất về tinh thần, nhưng **tối đa không quá 60 tháng lương**, tính theo mức lương tối thiểu chung do Nhà nước quy định tại thời điểm giải quyết bồi thường.

– Đối với khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần trong trường hợp **sức khỏe bị xâm phạm** thì người bị thiệt hại đương nhiên được bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần. Việc xác định mức độ tổn thất về tinh thần cần căn cứ vào sự ảnh hưởng đến nghề nghiệp, thẩm mỹ, giao tiếp xã hội, sinh hoạt gia đình và cá nhân,... Mức bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho người bị thiệt hại phải căn cứ vào mức độ tổn thất về tinh thần, nhưng **tối đa không quá 30 tháng lương**, tính theo mức lương tối thiểu chung do Nhà nước quy định tại thời điểm giải quyết bồi thường.

– Đối với khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần trong trường hợp **danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm** được bồi thường cho chính người bị xâm phạm. Mức bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho người bị xâm phạm phải căn cứ vào mức độ tổn thất về tinh thần, nhưng **tối đa không quá 10 tháng lương**, tính theo mức lương tối thiểu chung do Nhà nước quy định tại thời điểm giải quyết bồi thường.

Nội dung hướng dẫn trên đã được quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2005 thay thế Bộ luật Dân sự năm 1995.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 609 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì người xâm phạm sức khoẻ của người khác phải bồi thường thiệt hại một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần mà người đó gánh chịu. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thoả thuận; nếu không thoả thuận được thì mức tối đa không quá **ba mươi tháng lương** tối thiểu do Nhà nước quy định.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 610 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì người xâm phạm tính mạng của người khác phải bồi thường thiệt hại một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần cho những người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của người bị thiệt hại, nếu không có những người này thì người mà người bị thiệt hại đã trực tiếp nuôi dưỡng, người đã trực tiếp nuôi dưỡng người bị thiệt hại được hưởng khoản tiền này. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thoả thuận; nếu không thoả thuận được thì mức tối đa không quá **sáu mươi tháng lương** tối thiểu do Nhà nước quy định.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 611 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì người xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác phải bồi thường thiệt hại một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần mà người đó gánh chịu. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thoả thuận; nếu không thoả thuận được thì mức tối đa không quá **mười tháng lương** tối thiểu do Nhà nước quy định.

Như vậy, trải qua một thời gian dài với nhiều quan điểm khác nhau, khoản tiền **“bù đắp tổn thất về tinh thần”** đã được Quốc hội chính thức quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2005 một cách chi tiết, bảo đảm việc áp dụng khi xét xử các vụ án dân sự và vụ án hình sự có phần bồi thường thiệt hại do bị xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, uy tín.

Sau khi Bộ luật Dân sự năm 2005 có hiệu lực (01-01-2006), ngày 08-7-2006 Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao đã ban hành Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, trong đó có khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08-7-2006 thì:

Thiệt hại do tổn thất về tinh thần của cá nhân được hiểu là do sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm mà người bị thiệt hại hoặc do tính mạng bị xâm phạm mà người thân thích gần gũi nhất của nạn nhân phải chịu đau thương, buồn phiền, mất mát về tinh cảm, bị giảm sút hoặc mất uy tín, bị bạn bè xa lánh do bị hiểu nhầm... và cần phải được bồi thường một khoản tiền bù đắp tổn thất mà họ phải chịu.

– Khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khoẻ bị xâm phạm được bồi thường cho chính người bị thiệt hại. Trong mọi trường hợp, khi sức khoẻ bị xâm phạm, người bị thiệt hại được bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần. Việc xác định mức độ tổn thất về tinh thần cần căn cứ vào sự ảnh hưởng đến nghề nghiệp, thẩm mỹ, giao tiếp xã hội, sinh hoạt gia đình và cá nhân...Mức bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho người bị thiệt hại trước hết do các bên thoả thuận. Nếu không thoả thuận được, thì mức bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho người bị thiệt hại phải căn cứ vào mức độ tổn thất về tinh thần, nhưng tối đa không quá 30 tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm giải quyết bồi thường.

– Người được nhận khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do tính mạng bị xâm phạm trong trường hợp này là những người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của người bị thiệt hại bao gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người bị thiệt hại. Trường hợp không có những người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của người bị thiệt hại, thì người được nhận khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là người mà người bị thiệt hại đã trực tiếp nuôi dưỡng và người đã trực tiếp nuôi dưỡng người bị thiệt hại. Trong mọi trường hợp, khi tính mạng bị xâm phạm, những người thân thích của người bị thiệt hại được bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần. Việc xác định mức độ tổn thất về tinh thần phải căn cứ vào địa vị của người bị thiệt hại trong gia đình, mối quan hệ trong cuộc sống giữa người bị thiệt hại và những người thân thích của người bị thiệt hại...Mức bồi thường chung khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần trước hết do các bên thoả thuận. Nếu không thoả thuận được, thì mức bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho tất cả những người thân thích của người bị thiệt hại phải căn cứ vào mức độ tổn thất về tinh thần, số lượng người thân thích của họ, nhưng tối đa không quá 60 tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm giải quyết bồi thường.

Khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm được bồi thường cho chính người bị xâm phạm. Trong mọi trường hợp khi danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm, người bị xâm phạm được bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần. Việc xác định mức độ tổn thất về tinh thần phải căn cứ vào hình thức xâm phạm (bằng lời nói hay đăng trên báo viết hay báo hình...), hành vi xâm phạm, mức độ lan truyền thông tin xúc phạm...Mức bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho người bị xâm phạm trước hết do các bên thoả thuận. Nếu không thoả thuận được, thì mức bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần phải căn cứ vào mức độ tổn thất về tinh thần, nhưng tối đa không quá 10 tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm giải quyết bồi thường”.

Mặc dù Bộ luật Dân sự năm 2005 đã quy định và Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08-7-2006 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao cũng hướng dẫn tương đối cụ thể về trường hợp bồi thường khoản tiền **“bù đắp tổn thất về tinh thần”** nhưng thực tiễn xét xử vẫn có nhiều trường hợp vướng mắc khi phải giải quyết khoản

tiền **“bù đắp tổn thất về tinh thần”** đối với trường hợp **tính mạng bị xâm phạm**. Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08-7-2006 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao mới hướng dẫn trường hợp có một người chết và có nhiều người được bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần, nhưng chưa hướng dẫn trường hợp có nhiều người bị chết mà có một người hoặc một số người thân thích với người đã chết được bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần thì xác định mức bồi thường như thế nào?

Ví dụ: Khoảng 6 giờ ngày 29-3-2005, Nguyễn Quốc S lái xe ô tô tải biển kiểm soát 70H-3683 (do bà Nguyễn Thị Th là chủ sở hữu) chở 10 tấn hạt điều lưu thông trên quốc lộ 1A, hướng từ ngã tư An Sương về Thủ Đức. Khi đến giao lộ 1A và đường Nguyễn Văn Quá thuộc phường Tân Thới Hiệp, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, do không làm chủ tốc độ, xử lý tay lái kém, S để xe lao chéo sang trái đường đâm vào 3 xe máy đang đi từ hướng ngược chiều là: xe máy do anh Nguyễn Ngọc A điều khiển phía sau chở anh Sơn Ngọc T; xe máy do anh Vũ Hoài N điều khiển phía sau chở hai con là Vũ Thu H và Vũ Văn Q và xe máy do chị Nguyễn Thị M điều khiển. Sau khi đâm vào 3 xe máy trên, xe ô tô do S điều khiển còn tiếp tục lao vào quán cà phê ở phía trái đường, đâm vào 5 xe máy, 2 xe đạp và đâm vào ông Đoàn Văn N, Nguyễn Văn V, anh Nguyễn Ngọc Phan T.

Tai nạn xảy ra làm 4 người bị chết là anh Vũ Quốc N cùng với hai con của anh N là cháu Vũ Thu H, cháu Vũ Văn Q và anh Nguyễn Ngọc Phan T. Ngoài ra còn 7 người khác bị thương và hư hỏng một số tài sản.

Tại bản án hình sự sơ thẩm, ngoài việc quyết định về tội danh, hình phạt đối với Nguyễn Quốc S, các khoản tiền bồi thường thiệt hại về người và tài sản đối với những người khác, Toà án cấp sơ thẩm còn buộc bà Nguyễn Thị Th (chủ phương tiện) bồi thường cho gia đình anh N khoản tiền bù đắp về tinh thần là 12.600.000 đồng (36 tháng x 350.000 đồng).

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15-12-2005, đại diện gia đình anh N kháng cáo đề nghị xét xử lại phần dân sự.

Tại bản án hình sự phúc thẩm số, Toà án cấp phúc thẩm đã sửa bản án sơ thẩm, buộc bà Nguyễn Thị Th bồi thường tổn thất về tinh thần cho vợ anh N số tiền 63.000.000 đồng (350.000 đồng/01 tháng x 180 tháng).

Sau khi xét xử phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Th người phải bồi thường khoản tiền tổn thất về tinh thần không đồng ý với quyết định của Toà án cấp phúc thẩm nên đề nghị cấp giám đốc thẩm xét lại bản án phúc thẩm về quyết định này của Toà án cấp phúc thẩm.

Khi trao đổi, thảo luận về quyết định của Toà án cấp phúc thẩm đối với khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần mà Toà án cấp phúc thẩm quyết định buộc bà Nguyễn Thị Th phải bồi thường cho vợ anh N, có nhiều ý kiến khác nhau:

Quan điểm thứ nhất cho rằng, Nghị quyết số 01/2004/NQ-HĐTP ngày 28-4-2004 và Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08-7-2006 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao chỉ mới có hướng dẫn là một người chết có một người thân thích hoặc có nhiều người thân thích thì tất cả những đó chỉ được bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần không quá 60 tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định (nếu hai bên không thoả thuận được), mà chưa hướng dẫn trường hợp có nhiều người chết, có nhiều người thân thích thì mức bồi thường được xác định như thế nào. Mặt khác, tại khoản 2 Điều 610 Bộ luật Dân sự năm 2005 chỉ quy định: **“Người xâm tính mạng của người khác”** chứ không quy định một người hay nhiều người và mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần nếu không thoả thuận được thì mức tối đa không quá **60 tháng lương** tối thiểu do Nhà nước quy định. Do đó, trường hợp trong một gia đình có nhiều người bị chết thì những mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần tối đa cũng không được vượt quá 60 tháng lương tối thiểu. Trong vụ án trên, anh Vũ Quốc N cùng với hai con của anh N là cháu Vũ Thu H, cháu Vũ Văn Q bị chết thì những người thân thích của anh N, cháu H và cháu Q chỉ được bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần tối đa không được vượt quá 60 tháng lương tối thiểu. Toà án cấp phúc thẩm buộc bà Nguyễn Thị Th bồi thường tổn thất về tinh thần cho vợ anh N số tiền 63.000.000 đồng (350.000 đồng/01 tháng x 180 tháng) là không đúng quy định của Bộ luật Dân sự.

Quan điểm thứ hai cho rằng, nếu trong một gia đình có nhiều người bị xâm phạm về tính mạng, thì người thứ nhất được bồi thường mức tối đa không quá 60 tháng lương tối thiểu, từ người thứ hai trở đi được tính theo tỷ lệ % giảm dần của mức tối đa 60 tháng lương. Ví dụ: Nếu người bị xâm phạm tính mạng thứ nhất được tính mức tối đa là 60 tháng lương, thì người bị xâm phạm tính mạng thứ hai được tính 80% của 60 tháng lương là 48 tháng lương, còn người bị xâm phạm tính mạng thứ ba được tính 60% của 60 tháng lương là 36 tháng lương. Theo quan điểm này thì trường hợp đối với 3 người chết trong vụ án trên những người thân thích của anh N, cháu H và cháu Q chỉ được bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần tối đa không được vượt quá 144 tháng lương tối thiểu.

Quan điểm thứ ba cho rằng, khoản 2 Điều 610 Bộ luật Dân sự quy định: **“Người xâm phạm tính mạng của người khác”** có nghĩa là xâm phạm đến tính mạng của một người chứ không thể hiểu là xâm phạm đến tính mạng của nhiều người khác. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần tối đa không quá 60 tháng lương tối thiểu là đối với một người bị xâm phạm tính mạng. Nếu có nhiều người bị xâm phạm tính mạng, thì cứ mỗi người bị xâm phạm đến tính mạng, những người thân thích được bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần tối đa không quá 60 tháng lương tối thiểu. Nếu có 3 người bị xâm phạm tính mạng thì những người thân thích được hưởng tối đa không quá 180 tháng lương tối thiểu; ba người chết trong một gia đình mức độ tổn thất về tinh thần không thể như một người chết được. Giả thiết có ba người chết trong ba gia đình khác nhau thì người xâm phạm đến tính mạng cũng phải bồi thường khoản tiền cho mỗi người chết là không quá 60 tháng lương. Vậy có gì khác giữa ba người chết trong một gia đình với ba người chết trong ba gia đình, chưa kể ba người chết trong một gia đình sự đau thương mất mát về tinh thần còn cao hơn nhiều so với trường hợp ba người chết trong ba gia đình. Theo quan điểm này thì Toà án cấp phúc thẩm buộc bà Nguyễn Thị Th bồi thường tổn

thất về tinh thần cho vợ anh N số tiền 63.000.000 đồng (350.000 đồng/01 tháng x 180 tháng) là đúng quy định của Bộ luật Dân sự.

Các quan điểm trên đều chứa đựng nhân tố hợp lý. Tuy nhiên, xét một cách tổng thể thì chưa có quan điểm nào nêu ra được căn cứ xác đáng, chưa thể hiện đúng nội dung quy định của Bộ luật Dân sự, cũng như hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao về khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần.

Trước hết cần khẳng định rằng: khoản tiền “*bù đắp tổn thất về tinh thần*” không phải là đại lượng để xác định những thiệt hại về tinh thần mà người bị thiệt hại hoặc người thân thích của họ bị tổn thất. Bởi lẽ, những tổn thất về tinh thần không thể xác định được một cách chính xác hoặc tương đối chính xác như thiệt hại về vật chất; mức độ tổn thất về tinh thần nhiều hay ít cũng không phụ thuộc vào tính chất nguy hiểm của hành vi xâm phạm; cũng không phụ thuộc vào hình thức lỗi của người xâm phạm (cố ý hay vô ý), mà nó hoàn toàn phụ thuộc vào mức độ đau thương, buồn phiền, mất mát về tình cảm, giảm sút hoặc mất uy tín, bị xa lánh, bị hiểu lầm của người bị thiệt hại hoặc người thân thích của nạn nhân.

Mức độ đau thương, buồn phiền, mất mát về tình cảm cũng là một đại lượng khó xác định. Không thể đưa ra một đại lượng chung cho mọi trường hợp, mà tùy từng trường hợp cụ thể mà xác định. Thực tiễn xét xử cho thấy, có trường hợp một người bị chết nhưng những người thân thích của người đó không hề tỏ ra một chút đau thương, buồn phiền gì cả, thậm chí còn mong người đó chết cho “thoát nợ”. Ví dụ: Lê Hoàng N là một thanh niên hư hỏng từ nhỏ. Lớn lên, N lao vào con đường nghiện ngập, cờ bạc. Nhà chỉ có hai mẹ con nên bà H mẹ của N bất lực không dạy dỗ được H đánh buông xuôi. Mỗi lần N xin tiền để cờ bạc, hút hít, nếu bà H không cho thì N chửi mắng bà thậm tệ. Có lần, N dùng dao dọa bà H nếu không đưa tiền thì sẽ giết. Mỗi lần, N đi đâu về nhà là bà H lo sợ tìm cách tránh mặt N. Bà H thường tâm sự với mọi người rằng, thằng N có chết đi thì tôi mới thoát nợ. Đã có lần, bà H định bỏ thuốc độc vào cơm cho N ăn nhưng bà lại sợ. Một hôm, có người báo cho bà H biết N thua bạc không có tiền trả đã đánh nhau với các con bạc khác và bị đâm chết. Biết N bị đâm chết, nhưng bà không khóc, cũng không buồn phiền mà tỏ ra yên tâm hơn vì từ nay bà được sống một cuộc sống bình yên, không nom mớp lo sợ khi thấy N về nhà nữa. Trong trường hợp này, những tổn thất về tinh thần mà bà H phải chịu không đáng kể nếu không nói là không có. Ngược lại, có trường hợp tuy tính chất nguy hiểm của hành vi xâm phạm không lớn, người xâm phạm thực hiện hành vi của mình do vô ý, nhưng người bị thiệt hại hoặc người thân thích của nạn nhân lại lo âu, buồn phiền tột độ, thậm chí bị suy kiệt về sức khỏe không phục hồi được. Ví dụ: Bà Vũ Thị C là vợ liệt sĩ có người con gái là Đặng Thị Phương D. Sau khi chồng hy sinh, bà C ở vậy nuôi con. Chị D lớn lên trong vòng tay yêu thương của bà C. Năm 18 tuổi, Phương D thi đỗ vào trường Đại học Ngoại thương. Vì thương mẹ vất vả nên tuần nào Phương D cũng về thăm Mù. Bà C thường tâm sự với bà con hàng xóm rằng, nếu cái D có bề gì thì chắc tôi cũng theo nó luôn. Bà chỉ yên tâm khi thấy D ở bên bà. Sang năm học thứ hai, Trường tổ chức cho sinh viên đi thăm quan và chuyên đi này, do lái xe ô tô vi phạm quy định về an toàn giao thông nên đã gây ra tai nạn làm 3 người chết trong đó có Phương D con gái bà C. Nhận được tin con chết, bà C như người mất trí, khóc than, bỏ ăn hàng tuần. Do quá buồn phiền, nên bà C bị mắc bệnh tâm thần dạng trầm cảm, gia đình phải đưa bà vào bệnh viện tâm thần điều trị. Trong trường hợp này, những tổn thất về tinh thần mà bà C phải chịu là rất lớn có bù đắp bao nhiêu cũng không đủ.

Như vậy, mức độ đau thương, buồn phiền, mất mát về tình cảm, giảm sút hoặc mất uy tín, bị xa lánh, bị hiểu lầm của người bị thiệt hại hoặc người thân thích của nạn nhân là căn cứ để quyết định mức tiền bù đắp tổn thất về tinh thần chứ không phải căn cứ vào mức độ lỗi của người gây thiệt hại. Vì vậy, khi xác định mức tiền để bồi thường người gây thiệt hại bồi thường cho người bị thiệt hại hoặc người thân thích của nạn nhân phải căn cứ vào từng trường hợp cụ thể và nhất thiết phải xác định mức độ đau thương, buồn phiền, mất mát về tình cảm, giảm sút hoặc mất uy tín, bị xa lánh, bị hiểu lầm của người bị thiệt hại hoặc người thân thích của nạn nhân.

Vấn đề còn lại và cũng là vấn đề trọng tâm của bài viết này vẫn còn các ý kiến khác nhau là: Trong một gia đình cùng một lúc có nhiều người bị xâm phạm đến tính mạng (nhiều người chết) thì xác định mức bồi thường như thế nào? Như trên chúng tôi đã phân tích, không thể xác định một cách máy móc cứ một người bị xâm phạm đến tính mạng (một người chết) thì mức bù đắp tổn thất về tinh thần là “một suất” (không quá 60 tháng lương tối thiểu) còn hai người chết thì mức bù đắp tổn thất về tinh thần là “hai suất” (120 tháng lương tối thiểu), còn ba người chết thì mức bù đắp tổn thất về tinh thần là “ba suất” (180 tháng lương tối thiểu). v. v... mà phải căn cứ vào từng trường hợp cụ thể, căn cứ vào mức độ đau thương, buồn phiền, mất mát về tình cảm của người thân thích của các nạn nhân mà xác định mức bù đắp tổn thất về tinh thần nhưng không được quá mức mà Bộ luật Dân sự đã quy định. Trường hợp có nhiều người bị xâm phạm tính mạng nhưng chỉ có một người được hưởng tiền bù đắp tổn thất về tinh thần thì trước hết phải xác định mức độ đau thương, buồn phiền, mất mát về tình cảm nhưng mức tối đa cũng không quá 60 tháng lương tối thiểu đối với một người bị xâm phạm về tính mạng. Nếu có 3 người chết thì mức tối đa không quá 180 tháng lương tối thiểu. Chúng tôi đặt vấn đề như vậy là xuất phát từ quy định tại khoản 2 Điều 610 Bộ luật Dân sự: “*người xâm phạm tính mạng của người khác*” tức là, xâm phạm tính mạng của một người chứ không quy định “*người xâm phạm tính mạng của nhiều người khác*”. Mặt khác, việc một người có tới 3 người thân thích bị chết nếu các yếu tố khác tương tự như nhau thì thông thường mức độ đau thương, buồn phiền, mất mát về tình cảm phải gấp 3 lần so với trường hợp chỉ có một người thân thích bị chết. Tuy nhiên, khi xác định khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho một người có 3 người bị xâm phạm tính mạng không nên đơn giản làm một phép tính số học: 1 người thì 60 tháng lương, 3 người thì lấy $60 \times 3 = 180$ tháng lương, làm như vậy thì quy định “bù đắp tổn thất về tinh thần” không còn ý nghĩa nữa.

Trở lại vụ án trên, việc Toà án cấp sơ thẩm chỉ buộc bà Th bồi thường 12.600.000 đồng khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho chị Ph và Toà án cấp phúc thẩm sửa quyết định này, buộc bà Th bồi thường cho chị Ph 180 tháng lương với số tiền 63.000.000 đồng, chúng tôi có một số ý kiến như sau:

Xác định khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần, Toà án cấp sơ thẩm đã không xác định có bao nhiêu người thân thích của anh N, 2 cháu H và Q được bù đắp tổn thất về tinh thần. Ngoài chị Ph thì còn có ai thuộc diện được bù đắp tổn thất về tinh thần hay không? Toà án cấp sơ thẩm lại xác định anh Vũ Quốc Đ là em trai của anh N là nguyên đơn dân sự trong vụ án là không đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về nguyên đơn dân sự trong vụ án hình sự. Nếu anh Đ có giấy uỷ quyền của chị Nguyễn Thị Ph (vợ của anh N) thì trong bản án phải viết: *“nguyên đơn dân sự là chị Nguyễn Thị Ph uỷ quyền cho anh Đ tham gia phiên toà”*. Tuy nhiên, trong vụ án này, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì ngoài chị Nguyễn Thị Ph (vợ anh N), còn có mẹ anh N (chưa xác định được họ tên) và con anh N là cháu Vũ Anh T (người chưa thành niên). Lẽ ra trong trường hợp này, Toà án cấp sơ thẩm phải xác định gia đình anh N có ba người được bù đắp tổn thất về tinh thần là: Chị Nguyễn Thị Ph đối với anh N, cháu H và Q; mẹ anh N đối với anh N và cháu Vũ Anh T đối với anh N. Nhưng Toà án cấp sơ thẩm chỉ xác định chị Nguyễn Thị Ph là người được bù đắp về tinh thần là chưa đầy đủ. Nếu Toà án cấp sơ thẩm xác định đầy đủ người được bù đắp tổn thất về tinh thần thì chắc chắn không quyết định có 36 tháng lương tối thiểu.

Khi xét xử phúc thẩm, Toà án cấp phúc thẩm đã không phát hiện được những sai sót của Toà án cấp sơ thẩm nên vẫn xác định nguyên đơn dân sự là anh Đ, đồng thời lại xác định, kể từ một người bị chết thì người thân thích của họ được bồi thường khoản tiền bù đắp về tinh thần là 60 tháng lương, vậy gia đình chị Ph có 3 người chết thì được bồi thường “ba suất”, mà không xác định xem có bao nhiêu người được bù đắp tổn thất về tinh thần, không xác định mức độ đau thương, buồn phiền, mất mát về tinh cảm... của người được bù đắp tổn thất về tinh thần.

Theo khoản 2 Điều 610 Bộ luật Dân sự thì mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thoả thuận, nếu không thoả thuận được thì Toà án mới quyết định, nhưng cả Toà án cấp sơ thẩm và Toà án cấp phúc thẩm đều không tiến hành để hai bên thoả thuận, mà quyết định ngay là chưa thực hiện đúng tinh thần quy định tại khoản 2 Điều 610 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, Toà án cấp phúc thẩm còn quyết định buộc bà Th bồi thường tiền mất thu nhập của anh N được tính trong thời gian 06 tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng, với tổng số tiền 9.000.000 đồng là không đúng với quy định tại Điều 614 Bộ luật Dân sự năm 2005 về thu nhập thực tế bị mất. Theo quy định tại Điều 614 Bộ luật Dân sự năm 1995 thì các khoản phải bồi thường thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm bao gồm: chi phí cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, chăm sóc người bị thiệt hại trước khi chết; chi phí hợp lý cho việc mai táng; tiền cấp dưỡng cho những người mà người bị thiệt hại có nghĩa vụ cấp dưỡng. Không có quy định về khoản tiền mất thu nhập của anh N sau khi anh N bị chết.

Với những sai lầm nghiêm trọng của Toà án cấp sơ thẩm và Toà án cấp phúc thẩm nêu trên, Chánh án TAND tối cao đã kháng nghị bản án hình sự phúc thẩm và Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao đã chấp nhận kháng nghị của Chánh án, huỷ bản án sơ thẩm và bản án phúc thẩm về phần bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần và khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần và khoản tiền mất thu nhập của anh N để xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.